

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/DS-PT

Ngày: 24-9-2021.

V/v trẢ1h chấp về thừa kế T2sản.

**NHÂN DẠ1H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn T; bà Nguyễn ThA1h Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05 tháng 7 và 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021, về việc “TrA1h chấp về thừa kế T2sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1977, cư trú tại: Số 60/4, đường Bời Lờ, khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1979, cư trú tại: khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T: Anh Lê Phước A, sinh năm 1995, cư trú tại: khu phố NTh, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy ủy quyền ngày 26-4-2019. (có mặt)

- Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quA1:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, cư trú tại: khu phố NTh1, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1962, cư trú tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1965, cư trú tại: khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn B, sinh năm 1967, cư trú tại: khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1970, cư trú tại: Số 60/4, đường Bời Lồi, khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973, cư trú tại: Số 60/4, đường Bời Lồi, khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1977, cư trú tại: khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy ủy quyền ngày 13-5-2019. (có mặt)

+ BA1 Quản lý khu rừng phòng hộ DT.

Địa chỉ trụ sở: Ấp 2, xã Suối Ngô, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngân H, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngân H: Ông Tạ Thái A1, chuyên viên Phòng Kế hoạch, Kỹ thuật, theo Giấy ủy quyền số: 344/UQ-KRDT ngày 26-7-2019. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1976, cư trú tại: Phường B1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Tòa án không triệu tập)*

- *Người kháng cáo:*

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th là nguyên đơn và những người có quyền lợi, Ngh vụ liên quA1, gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1.

+ Ông Nguyễn Thành T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:

Cha và mẹ bà là cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị M1, có 08 người con chung, gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn B, Nguyễn Thị Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thành T, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác, cha mẹ của cụ T2, cụ M1 đã chết từ rất lâu.

Năm 2015 cụ T2 khởi kiện cụ M1 yêu cầu chia T2 sản trong thời kỳ hôn nhân là số tiền chuyển nhượng đất cho anh Trần Ngọc L2 và anh Huỳnh Tấn H2. Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 246/2015/HN&GD-PT ngày 16-9-2015, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh buộc cụ M1 giao cho cụ T2 330.000.000 đồng, cụ M1 đã thi hành án cho cụ T2 51.778.000 đồng, còn 278.222.000 đồng chưa thi hành.

Năm 2016 cụ T2 chết, năm 2017 cụ M1 chết, T2 sản để lại gồm T2 sản chung của 02 cụ, T2 sản riêng của cụ M1 và T2 sản riêng của cụ T2, cụ thể như sau:

- T2 sản chung của cụ M1 và cụ Tài, gồm:
 - + 4.706,7 m² đất trồng lúa, tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.
 - + 22.000 m² đất trồng cao su, tọa lạc tại: Xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.
 - + 391,5 m² đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.
 - + 29.389,2 m² đất rừng phòng hộ, thuộc khoảnh 5, tiểu khu 51, Khu rừng phòng hộ DT, tọa lạc tại: xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.
- Tài sản riêng của cụ M1 là 53.412.412 đồng tiền cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B theo Bản án Dân sự phúc thẩm số: 66/2017/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- Tài sản riêng của cụ T2 là 278.222.000 đồng tiền cụ T2 được thi hành án từ cụ M1 theo Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 246/2015/HNGD-PT ngày 16-9-2015, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.
- Nghĩa vụ về tài sản của cụ M1 là số tiền 278.222.000 đồng phải thi hành án cho cụ T2 theo Bản án phúc thẩm số: 246/2015/HNGD-PT.

Cụ T2 chết có để lại di chúc được lập vào ngày 11-3-2015, có 02 người ký tên làm chứng là Luật sư Trịnh Văn H và Luật sư Nguyễn Thị T3, của Chi nhánh Văn phòng Luật sư Gia Thành, nội dung di chúc là “...cho 02 người con tên Nguyễn Ba và Nguyễn Văn T1 mỗi người được hưởng 50% di sản của cụ T2 để lại là toàn bộ phần quyền sử dụng của cụ T2 đối với đất, gồm:

- + Thửa 53, tờ bản đồ 42, tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, diện tích 2.102,6 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01347 ngày 06-3-2006.
- + 30.000 m² đất nhận khoán của BA1 Quản lý khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, tọa lạc tại: Tổ 3, ấp 5, xã Suối Dây, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.
- Thửa 247, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, diện tích 649,3 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số: H04769/NS ngày 07-8-2006.

- Thửa 248, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, diện tích 422 m².

- Thửa 27, tờ bản đồ 34, tọa lạc tại: xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, 34.069 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01039.172/QĐ-UB ngày 28-02-2006.

- 04 phần đất ruộng diện tích 4.000 m², tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- Thửa 268, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, diện tích khoảng 371 m²”.

Ông B và ông T1 từ chối nhận theo di chúc, yêu cầu chia đều cho 07 anh chị em, trừ ông T.

Ông T quản lý di sản không chia cho các anh chị em nên bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ T2, cụ M1 như sau:

+ Tài sản riêng của cụ T2 và tài sản của cụ T2 trong khối tài sản chung với cụ M1 chia đều cho 07 anh chị em bà, trừ ông T.

Riêng số tiền 278.222.000 đồng cụ M1 chưa thi hành án cho cụ T2 theo Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 246/2015/HNGĐ-PT cũng là tài sản riêng của cụ T2 nhưng trong di chúc cụ T2 không định đoạt nên yêu cầu chia theo pháp luật.

+ Tài sản riêng của cụ M1 và tài sản của cụ M1 trong khối tài sản chung với cụ T2 yêu cầu chia theo pháp luật.

Yêu cầu chia bằng hiện vật là đất theo kết quả đo đạc, thẩm định.

+ Số tiền 53.412.412 đồng cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B theo Bản án phúc thẩm số: 66/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, có khởi kiện yêu cầu chia nhưng bà rút yêu cầu, không tranh chấp.

Đối với phần đất trồng lúa tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, trong đó có 1.068,2 m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ 40 cụ T2 và cụ M1 đã chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Ánh Ng; 1.444,6m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ 40, cụ T2 và cụ M1 đã tặng cho bà Nguyễn Thị Ngh, bà và các đồng thừa kế không tranh chấp, không khởi kiện.

Đối với di chúc của cụ M1 do ông T cung cấp, bà không chấp nhận vì tại thời điểm lập di chúc cụ M1 bệnh nặng, không còn minh mẫn.

Đối với việc ông T yêu cầu chia cho cụ M1 2/3 suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc của cụ T2 và thanh toán cho ông T tiền công sức quản lý, tôn tạo di sản bằng một suất thừa kế, bà không chấp nhận vì cụ M1 đã

có tài sản và vì ông T không có công đóng góp mà ngược lại còn được sử dụng đất, hưởng lợi từ việc thu hoạch mủ cao su của cha mẹ để lại.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Lê Phước Ý trình bày:

Ông T xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T2, cụ M1 gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn B, Nguyễn Thị Ngh, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Hồng Th, Nguyễn Thành T. Ngoài ra cụ T2, cụ M1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Cụ M1 lập di chúc có Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN chứng thực vào ngày 29-11-2016, nội dung như sau:

Tài sản chung của cụ M1 và cụ T2 gồm 02 phần đất ở phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, cụ thể là:

- 3.747,2 m², thuộc thửa 1320, 1321, tờ bản đồ số 13. Trong đó phần của cụ M1 là 1.623,5 m².

- 668 m², thuộc thửa 180, tờ bản đồ số 4. Trong đó phần của cụ M1 là 334 m².

Ngoài ra, cụ M1 còn được hưởng thừa kế phần của cụ T2 trong 02 phần đất nêu trên.

Tài sản riêng của cụ M1 gồm:

34.069 m², thuộc thửa 27, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại: Xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

03 ha đất dự án rừng phòng hộ không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong di chúc cụ M1 có ghi: “Sau khi tôi qua đời tôi sẽ để lại toàn bộ phần tài sản chung giữa tôi với ông Nguyễn T2 và toàn bộ tài sản riêng của tôi khi có quyết định của Tòa án án cho một mình con trai là Nguyễn Thành T...”

Vì vậy, ông T yêu cầu như sau:

+ 4.706,7 m² đất trồng lúa, chia cho ông T 2.761,9 m².

+ 22.000 m² đất trồng cao su, chia cho ông T 13.185,8 m².

+ 391,5 m² đất ở, chia cho ông T 220,15 m².

+ 03 ha đất rừng phòng hộ, đo đạc thực tế là 29.389,2 m² ông T yêu cầu hưởng hết vì là tài sản riêng của cụ M1, ông được hưởng theo di chúc, không chấp nhận chia thừa kế.

Cao su trồng trên phần đất 22.000 m² là do ông T trồng, không phải di sản của cụ T2, cụ M1, không chấp nhận chia thừa kế.

Ông T yêu cầu chia bằng hiện vật tất cả các phần đất, ông T sẽ thanh toán cho những người thừa kế khác bằng tiền.

Số tiền 278.222.000 đồng cụ M1 chưa thi hành án cho cụ T2, ông T chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật.

Số tiền 53.412.412 đồng cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B, các anh chị em đã thỏa thuận xong, bà Th rút yêu cầu khởi kiện, phần này ông T chấp nhận.

Hai phần đất trồng lúa tại khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, trong đó gồm: 1.068,20 m² thuộc thửa 108, tờ bản đồ 40 cụ Tài, cụ M1 đã chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Ánh Ng; 1.444,6 m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ 40, cụ Tài, cụ M1 đã tặng cho bà Nguyễn Thị Ngh, ông T thống nhất, không tranh chấp, không yêu cầu chia.

Ông T thừa nhận có di chúc của cụ T2, trong di chúc cụ T2 không để lại di sản cho cụ M1 nhưng cụ M1 là vợ cụ T2 nên yêu cầu chia cho cụ M1 được hưởng 2/3 suất thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc.

Ông T có công giữ gìn, tôn tạo di sản nên yêu cầu những người thừa kế thanh toán công sức cho ông T tương đương 01 suất thừa kế theo pháp luật từ di sản của cụ Tài.

Việc ông T1 và ông B không hưởng phần thừa kế theo di chúc của cụ T2 mà chia cho 07 anh chị em, trong đó không có ông T thì ông T không tranh chấp, không yêu cầu gì.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1 và người đại diện theo ủy quyền của họ là bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:

Bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1 thống nhất theo yêu cầu của bà Th, yêu cầu chia bằng hiện vật.

Riêng bà H đã trên 60 tuổi nên xin được miễn nộp tiền án phí.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th khai, bà Nguyễn Thị Ngh không có khả năng lao động, được hưởng trợ cấp của địa phương nên yêu cầu chia cho bà Ngh được hưởng thừa kế của cụ M1 không phụ thuộc vào di chúc cụ M1 để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng (gọi tắt là Ban quản lý), do ông Tạ Thái A1 đại diện theo ủy quyền, có văn bản trình bày:

Vào ngày 25-01-2008, Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT (trước đây là ban Quản lý Dự án rừng phòng hộ DT) ký kết Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng, cao su và cây ăn trái số 217/HĐ.DADT với cụ Nguyễn Thị M1, có con cụ

M1 là ông Nguyễn Thành T đứng tên thừa kế, nội dung: Giao khoán cho cụ M1 03 ha đất thuộc lô 48, khoảnh 5, tiểu khu 51, tọa lạc tại: Ấp 5, xã Suối Dây, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, cụ M1 tự bỏ vốn trồng cao su trong thời hạn 50 năm (từ ngày 25-01-2008 đến ngày 25-01-2058), được hưởng thành quả lao động và kết quả đầu tư trên đất nhận khoán theo hợp đồng.

Cụ M1 là người đại diện hộ gia đình ký kết hợp đồng nhận khoán với Ban quản lý vì theo quy định đất rừng phòng hộ không được giao khoán cho cá nhân mà chỉ giao cho hộ gia đình, chồng cụ M1 là cụ Nguyễn T2 đứng tên trong danh sách điều tra diện tích đất bao, lấn chiếm sử dụng không đúng mục đích trên địa bàn tiểu khu 51 và đứng tên sơ đồ đất giao khoán.

Cụ T2 và cụ M1 đã chết, ông T đứng tên là người thừa kế trong hợp đồng thì ông T cũng sẽ là người đại diện hộ gia đình thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong hợp đồng giao khoán với Ban quản lý. Hộ cụ T2, cụ M1 không được chia thừa kế đất này mà chỉ được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bên nhận khoán theo Hợp đồng số 217/HĐ.DADT.

Đối với việc tranh chấp về thừa kế tài sản của cụ T2 và cụ M1, Ban quản lý không có ý kiến, không yêu cầu gì.

- Người làm chứng, ông Trịnh Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T3 (nay cải chính là Nguyễn Thị Mỹ Th1) đều là Luật sư, không họ hàng gì với gia đình cụ T2, chỉ là người được yêu cầu soạn thảo và ký tên làm chứng Di chúc của cụ T2 lập vào ngày 11-3-2015. Cụ T2 trình bày nguyện vọng và tuyên bố nội dung di chúc, ông và bà Tùng ghi chép và đánh máy thành văn bản, cụ T2 tự đọc lại nội dung đã đánh máy, tự ghi cụm từ “tôi đã đọc, đồng ý ký tên và lặn tay” và cụ T2 ký tên, lặn tay tại mục Người lập di chúc. Tại thời điểm lập di chúc, cụ T2 khỏe mạnh, minh mẫn, không bị ai đe dọa, lừa dối hoặc cưỡng ép.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh xét xử như sau:

1. Xác định tài sản chung của cụ T2 và cụ M1 gồm:

- 4.706,7 m² đất mùa, gồm các thửa: 1304,1305, 1311, 1315, 1322, tờ bản đồ 13, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 01354 QSDĐ/D3 ngày 24-6-1995, cụ Nguyễn T2 đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 3.747,2 m², tương ứng các thửa mới số: 73,74,75,85,86,100, tờ bản đồ 40. Giá trị 1.647.345.000 đồng (350.000 đồng/m²), trên đất không có tài sản.

- 391,5 m² đất thổ cư và trồng cây lâu năm, thửa 180, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 013147 QSDĐ/D3 ngày 25-7-1995, cụ Nguyễn Thị M1 đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 382 m², tương ứng thửa mới: 632, 633, tờ bản đồ 43. Giá trị 2.544.750.000 đồng

(6.500.000 đồng/m²), trên đất có cây trồng và các tài sản khác nhưng các đương sự không tranh chấp, cây trồng và tài sản nằm trên phần đất ai được chia thì người đó được sở hữu.

- 22.000 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 27, tờ bản đồ 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CH76620 ngày 17-6-2013, ông Nguyễn Thành T đứng tên, tương ứng thửa mới số 22, tờ bản đồ 57. Giá trị đất 1.100.000.000 đồng (50.000 đồng/m²), cao su trên đất 1.100 cây 08 năm tuổi, giá 440.000.000 đồng (400.000 đồng/1cây).

Tổng giá trị tài sản chung của cụ T và cụ M1 là: 1.647.345.000 đồng + 2.544.750.000 đồng + 1.100.000.000 đồng + 440.000.000 đồng = 5.732.095.000 đồng. trong đó phần của mỗi người là 2.866.047.500 đồng (5.732.095.000 đồng : 2).

Do cụ M1 phải thi hành án cho cụ T2 278.222.000 đồng theo Bản án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm số: 246/2015/HNGĐ-PT ngày 16-9-2015, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nên giá trị tài sản của cụ M1 còn lại là 2.587.825.500 đồng (2.866.047.500 đồng - 278.222.000 đồng); giá trị tài sản của cụ T2 là 3.144.269.500 đồng.

2. Chia di sản thừa kế của cụ T2 như sau:

- Công nhận tính hiệu lực của Di chúc ngày 11-3-2015 của cụ T2 để lại tài sản cho ông B và ông T1 nhưng tại thời điểm cụ T2 chết cụ M1 còn sống nên cụ M1 được hưởng 2/3 suất thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào nội dung di chúc trong số tài sản cụ T2 định đoạt trong di chúc, với số tiền 212.299.814 đồng.

Vì vậy giá trị tài sản theo di chúc của cụ T2 còn lại 2.653.747.686 đồng (2.866.047.500 đồng - 212.299.814 đồng).

Do ông T1 và ông B từ chối nhận theo di chúc và yêu cầu chia đều cho 07 anh chị em, trừ ông T nên chia theo đều cho 07 người gồm: Bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1, bà Th, mỗi người 379.106.812 đồng (2.653.747.686 đồng : 7 người).

- Số tiền 278.222.000 đồng được thi hành án từ cụ M1, cụ T2 không định đoạt trong di chúc nên chia theo pháp luật cho 08 người con, mỗi người được 34.777.750 đồng (278.222.000 đồng : 08 người).

3. Chia di sản thừa kế của cụ M1 như sau: Công nhận tính hiệu lực của Di chúc ngày 29-11-2016 của cụ M1 để lại tài sản cho ông T, chia cho ông T 2.587.825.500 đồng giá trị tài sản của cụ M1 trong khối tài sản chung với cụ T2 và 212.299.814 đồng phần 2/3 suất thừa kế cụ M1 được hưởng của cụ T2 không phụ thuộc vào nội dung di chúc của cụ T2. Tổng cộng là 2.800.125.314 đồng.

4. Chia theo giá trị:

- Bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1, bà Th được chia giá trị bằng nhau, mỗi người 413.884.562 đồng (379.106.812 đồng + 34.777.750 đồng).

- Ông T được chia giá trị 2.834.903.064 đồng (2.800.125.314 đồng + 34.777.750 đồng).

5. Chia theo hiện vật:

- Giao cho ông T 391,5 m² đất thổ cư và trồng cây lâu năm.

- Phần 22.000 m² đất trồng cây lâu năm: Giao cho ông B 7.500 m² và cao su trên đất; giao cho ông T1 7.500 m² và cao su trên đất; giao cho bà S 7.000 m² và cao su trên đất.

- Phần 4.706,7 m² đất mùa: Giao cho bà H 1.359 m², giao cho bà Th 1.157 m², giao cho bà Ngh 1.099,8 m², giao cho bà Ng 1.090,9 m².

6. Về thanh toán giá trị:

Ông B thanh toán cho ông T 111.115.438 đồng.

Ông T1 thanh toán cho ông T 111.115.438 đồng.

Bà S thanh toán cho ông T 67.922.188 đồng, thanh toán cho bà Th 8.193.250 đồng.

Bà H thanh toán cho bà Th 741.312 đồng, thanh toán cho bà Ng 28.954.562 đồng.

7. Riêng 03 ha đất của Ban Quản lý khi rừng phòng hộ DT giao khoán, theo Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng, cao su và cây ăn trái số: 217/HĐ.DADT ngày 25-01-2008, qua đo đạc thực tế là 29.389,2 m² không phải là di sản thừa kế nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia phần đất này. Cao su trồng trên đất là do ông T trồng, các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

8. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn T về thanh toán công sức đóng góp vì ông T chỉ hưởng lợi nhuận không đóng góp gì vào việc bảo quản di sản.

9. Số tiền 53.412.412 đồng là tài sản riêng của cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B, theo Bản án phúc thẩm số: 66/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện, các đồng thừa kế không tranh chấp nên đình chỉ giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Phần kháng cáo:

+ Ngày 22 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị

Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo, yêu cầu như sau:

Chia đều cho những người thừa kế được canh tác 29.389,2 m² đất rừng phòng hộ do Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT giao khoán.

Chia di sản của cụ M1 theo pháp luật, không chấp nhận chia theo di chúc như bản án sơ thẩm đã quyết định. Nếu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận tính hiệu lực của di chúc cụ M1 lập thì phải chia cho bà Ngh, ông B mỗi người 2/3 suất thừa kế theo pháp luật, không phụ thuộc vào nội dung di chúc vì bà Ngh là người khuyết tật, ông B đã bị bệnh tai biến, mất khả năng lao động.

Tính lãi chậm thi hành án đối với số tiền 278.222.000 đồng mà cụ M1 chưa thi hành án cho cụ Tài.

+ Cùng ngày 22 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Thành T kháng cáo, yêu cầu như sau:

Thanh toán công sức đóng góp cho ông bằng 01 suất thừa kế của cụ T2 theo pháp luật.

Giao cho ông hưởng bằng hiện vật phần 22.000 m² đất cao su và xác định cao su trên đất là của ông, không phải là di sản của cụ M1, cụ Tài.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Th là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Thành T là bị đơn, Anh Lê Phước Ý là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T; bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

1. Thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc chia thừa kế theo giá trị.
2. Thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc chia theo hiện vật phần đất mùa 4.706,7 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 01354 QSDĐ/D3 ngày 24-6-1995, cụ Nguyễn T2 đứng tên.

3. Chia lại theo hiện vật 02 phần đất, cụ thể như sau:

- 391,5 m² đất thổ cư, thửa 180, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 013147 QSDĐ/D3 ngày 25-7-1995, cụ Nguyễn Thị M1 đứng tên, tương ứng với 02 thửa mới là thửa 633/ 217 m² và thửa 632/ 174,5 m², tuy thửa 632 và thửa 633 có diện tích khác nhau nhưng các đương sự thống nhất tính giá trị bằng nhau là 1.272.375.000 đồng (2.544.750.000 đồng : 2) và thống nhất chia như sau:

- + Chia cho ông Nguyễn Thành T thửa 633, giá trị 1.272.375.000 đồng.

+ Chia cho Bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1 sử dụng chung thửa 633, giá trị 1.272.375.000 đồng, tương ứng giá trị mỗi người được chia là 181.767.857 đồng.

- 22.000 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 27, tờ bản đồ 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CH76620 ngày 17-6-2013, ông Nguyễn Thành T đứng tên, tương ứng thửa mới số 22, tờ bản đồ 57. Giá trị đất 1.100.000.000 đồng, cao su trên đất giá 440.000.000 đồng, chia lại như sau:

+ Ông Nguyễn Thành T sử dụng 11.000 m² ở hướng Bắc, giá trị 550.000.000 đồng, được sở hữu cây cao su trên đất, giá trị 220.000.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn T1 sử dụng chung 11.000 m² ở hướng Nam, giá trị 550.000.000 đồng, được sở hữu cây cao su trên đất, giá trị 220.000.000 đồng. Giá trị mỗi người được chia là 256.666.666 đồng.

4. Số tiền 53.412.412 đồng của cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B theo Bản án Dân sự phúc thẩm số: 66/2017/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu chia.

- Như vậy, thừa kế của cụ T2 và cụ M1 được chia theo thỏa thuận của những người thừa kế tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1. Chia theo giá trị như bản án sơ thẩm, gồm:

+ Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Hồng Th được chia giá trị bằng nhau, mỗi người 413.884.562 đồng.

+ Ông Nguyễn Thành T được chia 2.834.903.064 đồng.

2. Chia theo hiện vật:

- 4.706,7 m² đất mùa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 01354 QSDĐ/D2 ngày 24-6-1995, cụ Nguyễn T2 đứng tên. Giá trị 1.647.345.000 đồng, trên đất không có tài sản, chia cho:

+ Bà Nguyễn Thị H 1.359 m², giá trị 475.650.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th 1.157 m², giá trị 404.950.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngh 1.099,8 m², giá trị 384.930.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ng 1.090,9 m², giá trị 381.815.000 đồng.

- 391,5 m² đất thổ cư, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 013147 QSDĐ/D3 ngày 25-7-1995, cụ Nguyễn Thị M1 đứng tên. Giá trị 2.544.750.000 đồng, chia cho:

+ Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Hồng Th sử dụng chung 174,5 m², giá trị 1.272.375.000 đồng, giá trị mỗi người được chia là 181.767.857 đồng (1.272.375.000 đồng : 7).

+ Ông Nguyễn Thành T sử dụng 217 m², giá trị 1.272.375.000 đồng.

Cây trồng và tài sản khác trên phần đất ai được chia thì người đó được sở hữu.

- 22.000 m² đất trồng cây lâu năm, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CH76620 ngày 17-6-2013, ông Nguyễn Thành T đứng tên. Giá trị đất 1.100.000.000 đồng, cao su trên đất giá 440.000.000 đồng, chia cho:

+ Bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn T1 sử dụng chung 11.000 m² giá 550.000.000 đồng, được sở hữu cây cao su trồng trên đất giá 220.000.000 đồng, giá trị mỗi người được chia là 256.666.666 đồng [(550.000.000 đồng + 220.000.000 đồng) : 3].

+ Ông Nguyễn Thành T sử dụng 11.000 m² giá 550.000.000 đồng, được sở hữu cây cao su trồng trên đất giá 220.000.000 đồng.

3. Tổng giá trị tài sản những người thừa kế được chia và phần chênh lệch như sau:

Bà Nguyễn Thị H 657.417.857 đồng (475.650.000 đồng + 181.767.857 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 243.533.295 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng 563.582.857 đồng (381.815.000 đồng + 181.767.857 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 149.698.295 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bé S 438.434.523 đồng (181.767.857 đồng + 256.666.666 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Ông Nguyễn B 438.434.523 đồng (181.767.857 đồng + 256.666.666 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngh 566.697.857 đồng (384.930.000 đồng + 181.767.857 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 152.813.295 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 438.434.523 đồng (181.767.857 đồng + 256.666.666 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Th 586.717.857 đồng (404.950.000 đồng + 181.767.857 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 172.833.295 đồng.

Ông Nguyễn Thành T 2.042.375.000 đồng (1.272.375.000 đồng + 550.000.000 đồng + 220.000.000 đồng) trừ số tiền được chia theo giá trị 2.834.903.064 đồng, thiếu 792.528.064 đồng.

Bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1, bà Th có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị dư như đã nêu trên cho ông T.

4. Thống nhất chia đôi 29.389,2 m² đất rừng phòng hộ do Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT giao khoán, cụ thể là:

+ Giao cho ông Nguyễn Thành T quản lý, canh tác 14.694,6 m² ở hướng Bắc, cây cao su và các tài sản khác trên đất là của ông T, ông T được sở hữu.

+ Giao cho những người thừa kế khác gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1 quản lý, canh tác chung 14.694,6 m² ở hướng Nam. Cao su trên đất của ông T trồng, ông T chấp nhận giao cho bà Th, bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1 sở hữu, không yêu cầu thanh toán giá trị; hệ thống tưới tiêu trên đất do ông T làm, ông T được tháo dỡ mang đi.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng Th là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Thành T là bị đơn, anh Lê Phước Ý là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T; bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án và của người khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Riêng phần đất mùa 4.706,7 m², bản án sơ thẩm ghi gồm các thửa: 74, 75, 85, 86, 100, tờ bản đồ 40, tương ứng các thửa ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 01354 QSDĐ/D2 ngày 24-6-1995 là: 1304, 1305, 1311, 1315, 1322, tờ bản đồ 13 nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/D2 không có thửa 1315 mà có thửa 1316. Vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh làm rõ nhưng không nhận định trong bản án là thiếu sót và sẽ không thi hành án được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định lại như sau:

Qua xác minh Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh thành phố TN và qua đối chiếu các bản đồ địa chính năm 1993, năm 2000 thể hiện: Phần đất 4.706,7 m² nêu trên, trong sổ mục kê năm 2005 gồm các thửa: 74, 75, 85, 86, 100, tờ bản đồ 40, từ trước đến nay gia đình cụ Nguyễn T2 sử dụng, vị trí các thửa đất không thay đổi, không ai tranh chấp, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01354 QSDĐ/D3 không ghi thửa 1315 mà ghi thửa 1316 là không chính xác, thửa đất số 1315 vẫn thuộc diện tích đất của cụ Nguyễn T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

[3] Việc những người thừa kế thỏa thuận chia quyền quản lý, canh tác và thực hiện các quyền và nghĩa vụ bên nhận khoán đối với đất rừng phòng hộ không làm ảnh hưởng quyền lợi của Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT nên Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận, không thuộc trường hợp chia thừa kế tài sản là đất nên không thanh giá trị. Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT điều chỉnh hợp đồng giao khoán theo thỏa thuận của các đương sự trong bản án.

Những người thừa kế thống nhất cây cao su trồng trên đất giao khoán là do ông T trồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông T chấp nhận chia ½ diện tích để các bên quản lý, canh tác, thừa kế quyền và nghĩa vụ của cụ M1 theo hợp đồng giao khoán, không yêu cầu thanh toán giá trị cây cao su, chỉ yêu cầu được tháo dỡ mang đi hệ thống tưới tiêu ông T đã đầu tư lắp đặt trên đất. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên công nhận.

[4] Số tiền 53.412.412 đồng của cụ M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B theo Bản án Dân sự phúc thẩm số: 66/2017/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu chia nên ghi nhận.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

[6] Về chi phí tố tụng:

Do giữ nguyên phần chia thừa kế theo giá trị, các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên phần chi phí tố tụng khác như bản án sơ thẩm.

Chi phí cắt vẽ Sơ đồ đất theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th tự nguyện chịu và đã nộp xong nên ghi nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngh là người khuyết tật nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy bA1 Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm không miễn cho bà Ngh là không đúng, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định lại cho đúng.

Các phần khác về án phí sơ thẩm, bản án sơ thẩm đã quyết định đúng nên giữ nguyên.

[8] Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Hồng Th, ông Nguyễn Thành T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, bà Nguyễn Thị Ngh là người khuyết tật nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Hồng Th là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Thành T là bị đơn, anh Lê Phước Ý là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành T; bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan, tại phiên tòa phúc thẩm, về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn T2 và cụ Nguyễn Thị M1 theo Di chúc ngày 11-3-2015 của cụ Nguyễn Tài, Di chúc ngày 29-11-2016 của cụ Nguyễn Thị M1 và chia theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:

2.1. Chia theo giá trị: Tổng giá trị tài sản của cụ T2 và cụ M1 là 5.732.095.000 đồng, trong đó:

- Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Hồng Th được chia giá trị bằng nhau, mỗi người 413.884.562 đồng.

- Ông Nguyễn Thành T được chia 2.834.903.064 đồng.

2.2. Chia theo hiện vật:

- Phần đất 4.706,7 m² đất mùa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 01354 QSDĐ/D2 ngày 24-6-1995, cụ Nguyễn T2 đứng tên, ông Nguyễn Thành T đang giữ bản chính, đất tọa lạc tại: Khu phố NTr, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Giá trị 1.647.345.000 đồng, trên đất không có T2 sản, chia như sau:

+ Bà Nguyễn Thị H được sử dụng 1.359 m², gồm: 1016,2 m² thuộc thửa 1311, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa mới số 75, tờ bản đồ 40; 342,8 m² thuộc thửa 1315, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa mới số 100, tờ bản đồ 40. Tứ cận: Đông giáp thửa 76, thửa 90 dài 51,24 m (gồm các đoạn: 3,48 m + 5,04 m + 5,81 m + 18,11 m + 0,71 m + 18,09 m); Tây giáp thửa 88, thửa 89, thửa 99, thửa 111, dài 72,15 m (gồm các đoạn 23,85 m + 6,08 m + 8,44 m + 5,84 m + 5,40 m + 5,99 m + 5,29 m + 8,71 m + 2,55 m); Nam giáp thửa 156 dài 15,86 m; Bắc các thửa 61, thửa 62 dài 40, 61 m (gồm các đoạn: 22,04 m + 9,76 m + 8,45 m). Giá trị 475.650.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th được sử dụng 1.157 m², thuộc thửa 1305, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa mới số 74, tờ bản đồ 40. Tứ cận: Đông giáp thửa 56, 87 dài 56,71 m (gồm các đoạn: 0,90m + 10,35m + 5,15m + 20,64m + 10,18m + 5,23m + 4,26m); Tây giáp thửa 72, 86 (đất chia cho bà Nguyễn Thị Ngh) dài 43,22m (gồm các đoạn: 15,88m + 21,21m + 6,13m); Nam giáp thửa 98 dài 13,07m; Bắc thửa 43 dài 24,77 m (gồm các đoạn: 6,83m + 9,59m + 7,17m + 1,18m). Giá trị 404.950.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngh được sử dụng 1.099,8 m², gồm: 48 m² thuộc thửa 1304, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa 86, tờ bản đồ 40; 11 m² thuộc thửa 1305, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa 73, tờ bản đồ 40; 14,8 m² thuộc thửa 1304, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa 85, tờ bản đồ 40; 426,0 m² thuộc thửa 1304, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa 86, tờ bản đồ 40; 600 m² thuộc một phần thửa 1322, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa 85, tờ bản đồ 40. Tứ cận: Đông giáp thửa 74 (đất chia cho bà Nguyễn Thị Hồng Th) dài 43,22 m (gồm các đoạn: 6,13m + 21,21m + 15,88m); Tây giáp thửa 85 (đất chia cho bà Nguyễn Thị Ng) dài 38,32m; Nam giáp thửa 97, 98 dài 38, 59 m (gồm các đoạn 1,57m + 18,49m + 1,33m + 1,43m + 0,65m + 6, 98m + 8,14m); Bắc thửa 72 dài 38,79 m (gồm các đoạn: 0,51m + 2,04m + 3,99m + 11,61m + 1,37m + 0,57m + 1,68m + 4,75m + 5,5m + 6,77m). Giá trị 384.930.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ng được sử dụng 1.690,9 m², thuộc thửa 1322, tờ bản đồ 13, tương ứng thửa mới số 85, tờ bản đồ 40. Tứ cận: Đông giáp thửa 85 (đất chia cho bà Nguyễn Thị Ngh) dài 38,32 m; Tây giáp thửa 54, 71, 84, dài 54,23m (gồm các đoạn 18,16m + 22,25m + 13,82m); Nam giáp thửa 97 dài 26,08 m; Bắc giáp thửa 72 dài 15,7 m (gồm các đoạn: 6,77m + 8,93m). Giá trị 381.815.000 đồng.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án)

- Phần đất 391,5 m², diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 382 m² đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm (trong đó diện tích đất thổ cư 229 m²), số thửa 180, tờ bản đồ số 4, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: 013147 QSDĐ/D3 ngày 25-7-1995, cụ Nguyễn Thị M1 đứng tên, ông Nguyễn Thành T đang giữ bản chính, tương ứng với thửa 632, 633, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại: Khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Giá trị 2.544.750.000 đồng, chia như sau:

+ Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Hồng Th được sử dụng chung 174,5 m² (trong đó có 114 m² đất thổ cư), thuộc một phần thửa 180, tờ bản đồ số 4, tương ứng với thửa 632, tờ bản đồ 43. Tứ cận: Đông giáp “Lộ 4m” dài 6m; Tây giáp “Đường đất 10m” dài 6 m; Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Thành T (thửa 633) dài 29,05 m; Bắc giáp đường nhựa dài 29,16 m. Giá trị 1.272.375.000 đồng, giá trị mỗi người được chia là 181.767.857 đồng (1.272.375.000 đồng : 7).

+ Ông Nguyễn Thành T được sử dụng 217 m² (trong đó có 115 m² đất thổ cư), thuộc một phần thửa 180, tờ bản đồ số 4, tương ứng với thửa 633, tờ bản đồ 43. Tứ cận: Đông giáp “Lộ 4m” dài 7,62 m; Tây giáp “Đường đất 10 m” dài 7,37 m; Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị Bé S dài 28,89 m; Bắc giáp đất chia cho bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1, bà Th (thửa 632) dài 29,05 m. Giá trị 1.272.375.000 đồng.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án)

Cây trồng và các tài sản khác trên phần đất ai được chia thì người đó được sở hữu.

- Phần đất 22.000 m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 27, tờ bản đồ 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy: CH76620 ngày 17-6-2013, ông Nguyễn Thành T đứng tên, bản chính ông T đang giữ, tương ứng với một phần thửa 22, tờ bản đồ 57, tọa lạc tại: xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Giá trị đất 1.100.000.000 đồng, cao su trên đất giá 440.000.000 đồng, chia như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn T1 được sử dụng chung 11.000 m², tứ cận: Đông giáp thửa 25 dài 56,42 m; Tây giáp đường đất dài 25,62 m; Nam giáp đất ông A dài 266,02 m; Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Thành T dài 273,66 m. Giá trị đất 550.000.000 đồng. Được sở hữu cây cao su trồng trên đất giá trị 220.000.000 đồng. Giá trị mỗi người được chia là 256.666.666 đồng.

+ Ông Nguyễn Thành T được sử dụng 11.000 m², tứ cận: Đông giáp thửa 25 dài 49,12 m; Tây giáp đường đất dài 30,9 m; Nam giáp đất chia cho bà S, ông B, ông T1 dài 273,66 m; Bắc giáp đất của ông T dài 282,5 m. Giá trị đất 550.000.000 đồng. Được sở hữu cây cao su trồng trên đất giá trị 220.000.000 đồng.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án)

- Tiền chênh lệch giá của hiện vật được chia so với giá trị mỗi người được chia, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H được chia tài sản có giá trị 657.417.857 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 243.533.295 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng được chia tài sản có giá trị 563.582.857 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 149.698.295 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bé S được chia tài sản có giá trị 438.434.523 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Ông Nguyễn B được chia tài sản có giá trị 438.434.523 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngh được chia T2sản có giá trị 566.697.857 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 152.813.295 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 được chia tài sản có giá trị 438.434.523 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 24.549.961 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Th được chia tài sản có giá trị 586.717.857 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 413.884.562 đồng, dư 172.833.295 đồng.

Ông Nguyễn Thành T được chia tài sản có giá trị 2.042.375.000 đồng, trừ số tiền được chia theo giá trị 2.834.903.064 đồng, thiếu 792.528.064 đồng.

Bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1, bà Th có Ngh vụ thanh toán phần giá trị dư như đã nêu trên cho ông T.

2.3. Về nghĩa vụ thanh toán: Những người thừa kế phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành T số tiền chênh lệch chia tài sản, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị H phải thanh toán 243.533.295 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ng phải thanh toán 149.698.295 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bé S phải thanh toán 24.549.961 đồng.
- Ông Nguyễn B phải thanh toán 24.549.961 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Ngh phải thanh toán 152.813.295 đồng.
- Ông Nguyễn Văn T1 phải thanh toán 24.549.961 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải thanh toán 172.833.295 đồng.

2.4. Phần đất cao su 29.389,2 m², thuộc lô 48, khoảnh 5, tiểu khu 51, tọa lạc tại: xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT (trước đây là Ban Quản lý Dự án rừng phòng hộ DT) giao khoán, theo Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng, cao su và cây ăn trái số: 217/HĐ.DADT ngày 25-01-2008, thời hạn 50 năm, cụ Nguyễn Thị M1 đứng tên người nhận khoán, chia theo diện tích để các đồng thừa kế quản lý, canh tác, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng giao khoán, cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn Thành T được quản lý, canh tác 14.694,6 m², tứ cận: Đông giáp thửa 107 dài 54,1 m; Tây giáp đường đất 67,21 m (gồm các đoạn: 60,21 m + 7 m); Nam giáp phần chia cho bà Th, bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1 223,52 m. Bắc giáp thửa 94, 96, 98 (đất ông 3 Đạt, ông Côn, ông Trống, ông Hoàng...) dài 237,14 m (gồm các đoạn: 3,18 m + 101,43 m + 14,91 m + 90,39 m + 27,23 m). Được sở hữu cây cao su trồng trên đất và các tài sản khác trên đất.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1 được quản lý, canh tác chung 14.694,6 m², tứ cận: Đông giáp thửa 107 dài 71,09 m; Tây giáp đường đất 64,09 m (15,7 m + 48,38 m); Nam giáp thửa 111 (đất ông Chương) dài 214,75 m; Bắc giáp phần đất chia cho ông T dài 223,52 m. Tài sản trên đất, gồm: Hệ thống tưới tiêu trên đất là của ông Nguyễn Thành T, ông T được tháo dỡ mang đi; cây cao su trồng trên đất và các tài sản khác bà Th, bà H, bà Ng, bà S, ông B, bà Ngh, ông T1 được sở hữu chung.

(Có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án)

Kiến nghị Ban Quản lý khu rừng phòng hộ DT điều chỉnh tên người nhận khoán trong Hợp đồng giao khoán đất trồng rừng, cao su và cây ăn trái số: 217/HĐ.DADT ngày 25-01-2008 theo bản án.

2.4. Những phần đất nêu trên ông Nguyễn Thành T đang quản lý, ông T có nghĩa vụ giao cho những người được chia theo bản án.

2.5. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án.

3. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu chia số tiền 53.412.412 đồng của cụ Nguyễn Thị M1 được thi hành án từ ông Nguyễn B theo

Bản án Dân sự phúc thẩm số: 66/DSPT ngày 05-4-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 2.502.000 đồng chi phí trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và tự nguyện 1.000.000 đồng chi phí cắt vẽ sơ đồ đất theo thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, ghi nhận bà Th đã nộp xong.

+ Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị Ngh, ông Nguyễn Văn T1: Mỗi người phải chịu 2.502.000 đồng, nộp trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Th.

+ Ông Nguyễn Thành T phải chịu 17.136.000 đồng, nộp trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Th.

- Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

5. Kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Ngh được miễn.

+ Bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Bé S, ông Nguyễn B, ông Nguyễn Văn T1: Mỗi người phải chịu 20.555.000 (hai mươi triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 20.555.000 đồng, được trừ vào 5.392.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu: Số 0006723 ngày 20-3-2019; Số 0006925 ngày 09-5-2019, Số 0001889 ngày 15-10-2019, Số 0000014 ngày 19-5-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn lại phải nộp là 15.163.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

+ Ông Nguyễn Thành T phải chịu 88.698.000 (tám mươi tám triệu S trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

7. Về án phí phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Ngh được miễn. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001472 ngày 04-5-2021; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngh 300.000 (ba

trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001476 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001471 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001459 ngày 27-4-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001473 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị Bé S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001474 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001475 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001477 ngày 04-5-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.TN;
- TA1D thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN ;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Thị Đồng

